

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Bản án số: 153/2022/DS-PT

Ngày 17 - 5- 2022

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đ.M.H.

Các Thẩm phán:

Ông Đ.N.L

Ông V.T.G

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà V.T.D - Thư ký TAND TP HN.

- ***Đại diện VKSNDTP. Hà Nội:*** Bà N.M.T- Kiểm sát viên.

Ngày 17/5/2022, tại trụ sở TAND Thành phố HN xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 41/2022/TLPT – DS ngày 27/01/2022 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

Do bản án sơ thẩm số 74/2021/DS-ST ngày 16/6/2021 của Toà án nhân dân huyện HĐ, Thành phố HN bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 98/2022/QĐXX-PT ngày 07/4/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP KT Việt Nam. Trụ sở: Số 191 Bà Triệu, phường Lê Đại Hành, quận H.B.T, HN. *Đại diện theo pháp luật:* Ông Hồ Hùng A – Chủ tịch Hội đồng quản trị. *Đại diện theo uỷ quyền:* Bà Nguyễn Thị H – Cán bộ xử lý nợ. Có mặt.

2. Bị đơn:

2.1. Ông Nguyễn Chính D, sinh năm 1980. Địa chỉ: Thôn Cao Trung, xã Đức Giang, huyện HĐ, HN. Có mặt.

2.2. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1983. Địa chỉ: Thôn Làng, xã Hương Vỹ, huyện YT, tỉnh BG. Vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

3.1. Cháu Nguyễn Chính B, sinh năm 2004;

3.2. Cháu Nguyễn Chính G, sinh năm 2006.

Cấp sơ thẩm xác định cháu B, cháu G là bị đơn. Cấp phúc thẩm xác định 02 cháu là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

Đại diện theo pháp luật cho cháu B, cháu G là ông D- bố đẻ của cháu B, cháu G. Có mặt ông D.

Cùng trú tại: Thôn Cao Trung, xã Đức Giang, huyện HĐ, HN

4. Người kháng cáo: Ông Nguyễn Chính D - là bị đơn. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo hồ sơ vụ án sơ thẩm:

1. Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 20/4/2011, Ngân hàng Thương mại cổ phần KT Việt Nam (*Sau đây viết tắt là: Tech*) và ông D cùng vợ là Bà H đã ký Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 47517/HĐTD/NH-TN/TCB-DDA (*Sau đây viết tắt là: HĐTD số 47517*) với nội dung: Tech cho ông D, Bà H vay 1.200.000.000 đồng; Mục đích vay: Mua bất động

sản hoàn gốc cuối kỳ; Thời hạn vay 12 tháng; Ngày đến hạn trả nợ cuối cùng là 20/4/2012; Lãi suất cố định 24%/năm.

Ông D, Bà H đã được giải ngân và nhận đủ 1.200.000.000 đồng tiền gốc vay và cùng ký vào Khế ước nhận nợ và cam kết trả nợ số 47517 ngày 20/4/2011 (*Sau đây viết tắt là: KUNN số 47517*)

Để bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ, ông D và Bà H đã thế chấp với Tech: Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thửa đất số 560, tờ bản đồ số 2 (*Sau đây viết tắt là: thửa đất số 560*), tại địa chỉ: Thôn Cao Trung, xã Đức Giang, huyện HĐ, Hà Nội. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 928104, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00482 do UBND huyện HĐ cấp ngày 02/10/2006 cho ông Nguyễn Chính D và bà Nguyễn Thị H (*Sau đây viết tắt là: GCNQSDĐ số AG 928104*) theo Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba; công chứng ngày 18/4/2011 tại văn phòng Công chứng Thăng Long, số công chứng 2199. 2011/HĐTC- TCB (*Sau đây viết tắt là: HĐTCTS số 2199*); được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định pháp luật tại Văn phòng đăng ký đất và nhà huyện HĐ, Hà Nội.

Quá trình thực hiện hợp đồng ông D và Bà H mới trả Tech được 756 đồng tiền gốc và 322.800.335 đồng tiền lãi. Sau đó không thực hiện trả nợ theo cam kết tại HĐTD số 47517 và KUNN số 47517. Tech đã gửi nhiều thông báo, công văn yêu cầu ông D, Bà H trả nợ hoặc bàn giao tài sản thế chấp để Tech xử lý thu hồi nợ, nhưng ông D, Bà H không thực hiện.

Tạm tính đến ngày 16/6/2021, ông D, Bà H còn nợ Tech tổng số tiền là 5.182.796.379 đồng. Trong đó gồm: 1.199.999.244 đồng nợ gốc; 3.982.797.135 đồng nợ lãi phát sinh. Tech khởi kiện yêu cầu:

Buộc ông D, Bà H phải trả cho Tech toàn bộ số tiền còn nợ đã nêu trên và buộc ông D, Bà H còn phải tiếp tục phải trả lãi trên số nợ gốc chưa thanh toán kể từ ngày 17/6/2021 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ gốc.

Buộc ông D, Bà H phải trả cho Tech số tiền phạt vi phạm Hợp đồng bằng 1% giá trị Hợp đồng theo quy định tại mục a điểm 5 khoản 3 Điều 13 HĐTD số 47517 với số tiền là 12.000.000 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm, Tech xin rút yêu cầu về số tiền phạt do vi phạm Hợp đồng.

Trường hợp ông D và Bà H không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên; lãi phát sinh thì Tech được quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án tiến hành kê biên, phát mại tài sản đã thế chấp là: Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thửa đất số 560 theo diện tích đo thực tế tại thời điểm kê biên, phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản thế chấp được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của ông D, Bà H đối với Tech và các chi phí theo quy định pháp luật. Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán thì ông D và Bà H vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Tech.

*** Bị đơn ông Nguyễn Chính D trình bày:**

Ông thừa nhận: Ông và vợ cũ là Bà H đã ký HĐTD số 47517 vay của Tech số tiền gốc là 1.200.000.000 đồng, đã nhận số tiền và ký KUNN số 47517, đồng thời còn ký HĐTCTS số 2199 để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ như đại diện nguyên đơn trình bày là đúng.

Do khó khăn trong việc trả nợ, nên ông không trả nợ Tech đúng hạn. Tuy nhiên, khi nhận 1.200.000.000 đồng tiền gốc, thì ông đã phải nộp lại luôn vào tài

khoản đứng tên ông tại Tech 294.000.000đồng và trước đó ông đã phải chi phí 60.000.000 đồng mỗi giới vay tiền. Thực tế ông chỉ nhận được 846.000.000 đồng. Sau đó, ông D còn trả thêm được 30.000.000 đồng.

Ngày 29/7/2016, ông và Bà H đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 113/2016/QĐST-HNGĐ của TAND huyện HĐ, tại Quyết định này ông và Bà H chưa yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung vợ chồng. Sau khi ly hôn, Bà H đã cắt khẩu khỏi địa phương. Hiện tại, Bà H đi đâu và làm gì thì ông không biết. Nay ông chỉ đồng ý trả Tech số tiền 846.000.000 đồng tiền gốc; đề nghị miễn toàn bộ lãi phát sinh; đề nghị Tech không xử lý tài sản thế chấp.

*** Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ đối với Bà H nhưng Bà H không đến Tòa án làm việc nên không ghi được quan điểm của Bà H.**

*** Bản án sơ thẩm số 74/2021/DS-ST ngày 16/6/2021, Tòa án nhân dân huyện HĐ, Thành phố Hà Nội quyết định:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần KT Việt Nam đối với ông Nguyễn Chính D và bà Nguyễn Thị H.

2. Buộc ông Nguyễn Chính D và bà Nguyễn Thị H phải liên đới trả Ngân hàng Thương mại Cổ phần KT Việt Nam tổng số tiền tính đến hết ngày 16/6/2021 là: **5.182.796.379đ**. Trong đó: Số tiền gốc: **1.199.999.244đ**; Số tiền lãi: **3.982.797.135đ**. Trong đó:

+ Ông Nguyễn Chính D phải trả Ngân hàng Thương mại Cổ phần KT Việt Nam tổng số tiền tính đến hết ngày 16/6/2021 là: **2.591.398.190đ**. Trong đó: số tiền gốc: **599.999.622đ**; Số tiền lãi: **1.991.398.568đ**

+ Bà Nguyễn Thị H phải trả Ngân hàng Thương mại Cổ phần KT Việt Nam tổng số tiền tính đến hết ngày 16/6/2021 là: **2.591.398.189đ** (Số tiền gốc: **599.999.622đ**; Số tiền lãi: **1.991.398.567đ**).

.....

3. Trong trường hợp ông Nguyễn Chính D và bà Nguyễn Thị H không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần KT Việt Nam có quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền tiến hành kê biên, bán đấu giá tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 560, tờ bản đồ số 2, tại địa chỉ: Thôn Cao Trung, xã Đức Giang, huyện HĐ, thành phố Hà Nội; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số AG 928104; Số vào sổ cấp Giấy chứng nhận: H00482 do UBND huyện HĐ, tỉnh Hà Tây (nay là Thành phố Hà Nội) cấp ngày 02/10/2006 cho hộ ông Nguyễn Chính D và bà Nguyễn Thị H.

Ngoài ra bản án còn tuyên về: nghĩa vụ chịu lãi do chậm thi hành án; về án phí; quyền thỏa thuận thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

*** Không đồng ý với quyết định bản án sơ thẩm.**

Ngày 25/6/2021, ông D kháng cáo đối với toàn bộ bản án sơ thẩm với lý do quyết định của bản án không phù hợp với những tình tiết khách quan của vụ án; xâm phạm nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông và gia đình.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:**

Người kháng cáo- Ông D đồng thời là đại diện theo pháp luật của hai con để là cháu B, cháu G phát biểu tranh luận:

Giữ nguyên các ý kiến đã trình bày tại cấp sơ thẩm. Vẫn xác định: Thực tế sau khi nhận tiền vay từ Tech ông đã phải nộp lại luôn 294.000.000 đồng vào tài khoản đứng tên ông tại Tech và trước đó ông đã phải chi phí 60.000.000 đồng, tiền môi giới vay tiền cho cán bộ Ngân hàng. Thực tế ông chỉ nhận được 846.000.000 đồng. Sau đó, ông D đã trả thêm được 30.000.000 đồng. Do hoàn cảnh khó khăn nay ông đề nghị chỉ phải trả dần 1.200.000.000 đồng tiền gốc cho Tech; xin miễn toàn bộ lãi suất phát sinh và đề nghị không phát mại tài sản thế chấp.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn phát biểu quan điểm tranh luận:

Tech đã cho ông D, Bà H vay 1.200.000.000 đồng theo HĐTD số 47517; KUNN số 47517. Ông D, Bà H mới trả Tech được 756 đồng tiền gốc và 322.800.335 đồng tiền lãi. Tạm tính đến ngày 16/6/2021, ông D, Bà H còn nợ 5.182.796.379 đồng. Trong đó gồm: 1.199.999.244 đồng nợ gốc; 3.982.797.135 đồng nợ lãi phát sinh. Đề nghị buộc ông D và Bà H phải trả nợ cho Tech toàn bộ số tiền còn nợ và còn phải tiếp tục phải trả lãi trên số nợ gốc chưa thanh toán kể từ ngày 17/6/2021 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ gốc.

Đề nghị xác định HĐTCTS số 2199 có hiệu lực pháp luật. Nếu ông D và Bà H không thanh toán xong khoản nợ thì Tech được quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án tiến hành kê biên, phát mại tài sản đã thế chấp là: Toàn bộ quyền sử dụng đất theo diện tích thực tế hiện ông D đang quản lý, sử dụng và tài sản gắn liền với đất thửa đất số 560 để thu hồi nợ. Số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản thế chấp được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ và các chi phí theo quy định pháp luật. Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản không đủ thanh toán thì ông D, Bà H vẫn tiếp tục phải trả nợ. Không nhất trí việc ông D đề nghị: Chỉ trả dần 1.200.000.000 đồng tiền gốc cho Tech; xin miễn toàn bộ lãi suất phát sinh và việc đề nghị không phát mại tài sản thế chấp.

Các đương sự khác không kháng cáo, vắng mặt tại phiên tòa không gửi văn bản bổ sung ý kiến với cấp phúc thẩm.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa không thỏa thuận được với nhau về cách giải quyết toàn bộ vụ án.

*** Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:**

- **Về tố tụng:** Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự. Người kháng cáo thực hiện quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

Cháu B, cháu G (*con ông D*) là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng cấp sơ thẩm xác định các cháu là bị đơn là không đúng pháp luật.

- **Về nội dung:** Các đương sự không yêu cầu tách riêng khoản nợ cho ông D, Bà H nhưng án sơ thẩm lại tuyên chia phần cụ thể là vượt quá yêu cầu đương sự; không tuyên đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu tiền phạt do vi phạm Hợp đồng là thiếu sót. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn. Sửa bản án sơ thẩm như đã phân tích.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

- Cấp sơ thẩm thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự.

Tuy nhiên: Cấp sơ thẩm xác định cháu B, cháu G là bị đơn là không phù hợp

với quy định tại khoản 3 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự. Vì: HĐTD số 47517 và KUNN số 47517 do ông D và Bà H ký với Tech; quyền và nghĩa vụ trong Hợp đồng là do các bên tham gia ký phải thực hiện. Các cháu B, cháu G là con ông D, Bà H không tham gia ký HĐTD số 47517 và KUNN số 47517; Tech không khởi kiện đối với hai cháu. Hai cháu chỉ có quyền, lợi liên quan đến khối tài sản thế chấp. Do đó cấp phúc thẩm xác định lại tư cách tham gia tố tụng của cháu B, cháu G là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại khoản 4 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Người kháng cáo nộp đơn kháng cáo và Biên lai nộp tiền tạm ứng án phí trong hạn luật định. Xác định người kháng cáo đã thực hiện quyền kháng cáo hợp lệ

- Một số đương sự không kháng cáo đã được triệu tập đến phiên tòa hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành phiên tòa vắng mặt họ.

[2]. Về nội dung

2.1. Những nội dung các đương sự cùng thừa nhận:

Tech với ông D- Bà H thỏa thuận và ký HĐTD số 47517; KUNN số 47517; HĐTCTS số 2199 trên cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật; được công chứng, chứng thực và được đăng ký giao dịch đảm bảo đối với tài sản thế chấp đúng quy định pháp luật.

Theo KUNN số 47517 thì ông D- Bà H cùng ký và xác nhận đã nhận đủ số tiền gốc vay là 1.200.000.000 đồng.

Toàn bộ quyền sử dụng 150 m² đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 560, GCNQSDĐ số AG 928104 đã thế chấp theo HĐTCTS số 2199 thuộc quyền sử dụng của ông D- Bà H, hiện do ông D và các con là cháu B, cháu G quản lý không liên quan đến ai khác. Mặc dù: Ông D- Bà H đã ly hôn nhưng khối tài sản đã thế chấp tại HĐTCTS số 2199 chưa thỏa thuận phân chia giải quyết theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 113/2016/QĐST-HNGĐ.

2.2. Xét kháng cáo của bị đơn. Hội đồng xét xử xét thấy:

Tech (là tổ chức tín dụng- ngân hàng hợp pháp theo quy định pháp luật); ông D, Bà H (là người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự) cùng tự nguyện ký HĐTD số 47517 có nội dung và hình thức không trái quy định pháp luật và đạo đức xã hội. Tech đã giải ngân khoản vay, ông D, Bà H đã nhận tiền, ký và ghi đã nhận đủ 1.200.000.000 đồng tiền vay tại KUNN số 47517;

HĐTCTS số 2199 được các bên giao kết trên cơ sở tự nguyện; đúng về hình thức, trình tự, thủ tục đăng ký giao dịch đảm bảo theo quy định tại các Điều: 342, 343 và 715 Bộ luật dân sự năm 2005; Khoản 7 Điều 113; Điều 130 Luật đất đai năm 2003; Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm. Khi ông D, Bà H giao dịch ký HĐTCTS số 2199 thì tài sản thế chấp đã được Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp GCNQSDĐ số AG 928104 cho chủ sử dụng là ông D, Bà H. Cấp sơ thẩm xác định HĐTD số 47517; KUNN số 47517; HĐTCTS số 2199 có hiệu lực pháp luật là đúng quy định pháp luật.

Về nghĩa vụ trả nợ:

Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đối chiếu với lời khai của các đương sự có đủ căn cứ xác định: Ông D và Bà H đã ký và đã ghi rõ vào KUNN số 47517 với nội dung “**đã nhận đủ 1.200.000.000 đồng tiền gốc**”. Do đó cấp sơ thẩm xác định ông D, Bà H đã nhận đủ số tiền gốc vay là 1.200.000.000 đồng là có

căn cứ pháp luật. Việc ông D tự nguyện nộp một khoản tiền vào tài khoản cá nhân của ông D nhằm trả lãi đối với số tiền vay theo thỏa thuận của các bên đương sự; có căn cứ chứng minh từ tài khoản của ông D đã thanh toán trả Tech được 756 đồng tiền gốc và 322.800.335 đồng tiền lãi. Việc ông D trình bày đã phải chi phí môi giới để vay được tiền nhưng không có căn cứ chứng minh. Tech không nhất trí việc ông D xin chỉ trả 1.200.000.000 đồng tiền gốc, xin miễn toàn bộ lãi suất phát sinh. Do đó cấp sơ thẩm xác định và buộc ông D và Bà H còn phải trả Tech tổng số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 16/6/2021 là 5.182.796.379 đồng; trong đó gồm: 1.199.999.244 đồng nợ gốc và 3.982.797.135 đồng nợ lãi phát sinh và tiếp tục phải chịu lãi phát sinh đối với số tiền gốc còn nợ kể từ ngày 17/6/2021 là phù hợp với quy định tại các Điều: 290,471 Bộ luật dân sự năm 2005; các Điều: 91,95,98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông D và giữ nguyên nội này.

- Về xử lý tài sản thế chấp:

Như đã nhận định trên, HĐTCTS số 2199 có hiệu lực pháp luật. Theo thỏa thuận tại HĐTCTS số 2199 và quy định tại các Điều 720,721 Bộ luật dân sự năm 2005: Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 23/12/2020; Biên bản xác minh ngày 23/12/2020; Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 113/2016/QĐST-HNGĐ. Cấp sơ thẩm xác định khoản nợ tại HĐTD số 47517 là khoản nợ chung của ông D và Bà H và buộc ông D, Bà H phải cùng chịu trách nhiệm liên đới trả khoản nợ tại HĐTD số 47517. Trường hợp ông D, Bà H không thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ Tech đề nghị Cơ quan Thi hành án xử lý tài sản thế chấp tại HĐTCTS số 2199 để thu hồi nợ là đúng quy định pháp luật, cần giữ nguyên án sơ thẩm về nội dung này.

Tuy nhiên: Do ông D, Bà H đã thuận tình ly hôn; tài sản đang thế chấp do ông D và 02 con quản lý. Các đương sự không có đề nghị phân chia phần nghĩa vụ trả nợ cụ thể của ông D, Bà H. Cấp sơ thẩm lại tuyên chia phần cụ thể nghĩa vụ trả nợ cho ông D, Bà H là vượt quá yêu cầu đương sự. Do vậy cần phải sửa lại cách tuyên về xử lý tài sản thế chấp và việc thanh toán trả nợ từ tiền phát mại tài sản thế chấp như sau: Trường hợp phải phát mại tài sản thế chấp; số tiền thu được từ việc phát mại tài sản thế chấp dùng để trả nợ số tiền còn nợ theo HĐTD số 47517 và các chi phí theo quy định pháp luật tại thời điểm thanh toán. Nếu số tiền thu được từ việc phát mại tài sản nhiều hơn số tiền phải thanh toán thì tạm giao cho ông D quản lý số tiền còn thừa cho đến khi ông D- Bà H tự thỏa thuận phân chia hoặc có yêu cầu phân chia tài sản chung theo pháp luật. Trường hợp số tiền thu được từ việc phát mại tài sản không đủ trả số tiền phải thanh toán thì buộc ông D và Bà H cùng phải có nghĩa vụ liên đới trả nốt số tiền còn thiếu cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

- Về yêu cầu buộc bị đơn phải trả tiền phạt do vi phạm Hợp đồng nhưng tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn đã rút yêu cầu này. Cấp sơ thẩm không tuyên đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện đã rút là thiếu sót. Hội đồng xét xử phúc thẩm cần sửa án sơ thẩm tuyên đình chỉ giải quyết đối với nội dung khởi kiện mà nguyên đơn đã rút yêu cầu.

2.3. Quan điểm của Hội đồng xét xử:

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn. Áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các phân tích trên.

- Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa là đúng quy định pháp luật và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[3] Án phí:

- Về án phí sơ thẩm: Giữ nguyên quyết định của án cấp sơ thẩm về phí dân sự sơ thẩm.

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên ông D không phải chịu phí dân sự phúc thẩm. Được đối trừ tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp với nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Các Điều: 147,148; khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Các Điều: 290,342, 343, 471,715, 720,721 Bộ luật dân sự năm 2005;
- Các Điều: 91,95,98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;
- Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;
- Khoản 7 Điều 113; Điều 130 Luật đất đai năm 2003; Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Xử:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Chính D. Sửa một phần bản án sơ thẩm số 74/2021/DS-ST ngày 16/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện HĐ, Thành phố Hà Nội. Cụ thể:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần kỹthương Việt Nam đối với ông Nguyễn Chính D và bà Nguyễn Thị H.

2. Buộc ông Nguyễn Chính D và bà Nguyễn Thị H phải liên đới trả Ngân hàng Thương mại cổ phần KT Việt Nam tổng số tiền tạm tính đến ngày 16/6/2021 là 5.182.796.379 (*Năm tỷ, một trăm tám mươi hai triệu, bảy trăm chín mươi sáu nghìn, ba trăm bảy mươi chín*) đồng. Trong đó gồm: 1.199.999.244 (*Một tỷ, một trăm chín mươi chín triệu, chín trăm chín mươi chín nghìn, hai trăm bốn mươi bốn*) đồngtiền nợ gốc và 3.982.797.135 (*Ba tỷ, chín trăm tám mươi hai triệu, bảy trăm chín mươi bảy nghìn, một trăm ba mươi lăm*) đồngtiền nợ lãi phát sinh (*lãi trong hạn và lãi quá hạn*).

Kể từ ngày 17/6/2021, ông Nguyễn Chính D và bà Nguyễn Thị H còn phải tiếp tục chịu lãi đối với số nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 47517/HĐTD/NH-TN/TCB-DDA ngày 20/4/2011 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

3. Về xử lý tài sản thế chấp:

3.1. Trường hợp ông Nguyễn Chính D và bà Nguyễn Thị H không thực hiện hoặc thực hiện không xong nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng Thương mại cổ phần KT Việt Nam có quyền đề nghị Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành kê biên, phát mại tài sản đã thế chấp là: Quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 560, tờ bản đồ số 2, diện tích 150m²; tại địa chỉ: Thôn Cao Trung, xã Đức Giang, huyện HĐ, Thành phố Hà Nội; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số AG 928104 do UBND huyện HĐ, tỉnh Hà Tây (*nay là Thành phố Hà Nội*) cấp ngày 02/10/2006 cho chủ sử dụng là hộ ông Nguyễn Chính D và bà Nguyễn Thị H.

Khi kê biên, phát mại thửa đất đã thế chấp. Nếu diện tích đo thực tế có chênh lệch so với diện tích ghi trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số AG 928104 và so với Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba công chứng số 2199 ngày 18/4/2011 tại văn phòng Công chứng Thăng Long thì Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền vẫn tiến hành kê biên phát mại theo diện tích thực tế thuộc quyền sử dụng của bên thế chấp và gắn liền với thửa đất thế chấp. Trường hợp diện tích đo thực tế lớn hơn thì bên nhận thế chấp phải thanh toán cho bên có tài sản thế chấp bằng tiền đối với diện tích lớn hơn này theo giá trị tại thời điểm phát mại; trường hợp diện tích đo thực tế nhỏ hơn thì diện tích đo thực tế được xác định là diện tích thực tế đã thế chấp theo pháp luật.

3.2. Số tiền thu được từ việc phát mại tài sản thế chấp dùng để thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo quyết định tại khoản 2 Quyết định của bản án và các chi phí theo quy định pháp luật.

3.2. 1. Nếu số tiền thu được từ việc phát mại tài sản nhiều hơn số tiền phải trả nợ và các chi phí theo quy định pháp luật thì tạm giao cho ông Nguyễn Chính D quản lý số tiền còn thừa đó cho đến khi ông Nguyễn Chính D - bà Nguyễn Thị H tự thỏa thuận phân chia hoặc yêu cầu phân chia tài sản chung theo pháp luật.

3.2.3. Nếu số tiền thu được từ việc phát mại tài sản không đủ trả số tiền phải trả nợ tại khoản 2 Quyết định của bản án và các chi phí theo quy định pháp luật thì buộc ông Nguyễn Chính D và bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ liên đới trả tiếp số tiền còn thiếu tại thời điểm phát mại tài sản cho đến khi thanh toán xong.

4. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn phải chịu tiền phạt vi phạm Hợp đồng do nguyên đơn đã xin rút yêu cầu yêu về nội dung này.

5. Về án phí:

5.1. Ông Nguyễn Chính D và bà Nguyễn Thị H phải chịu chung 113.182.796 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ông D không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Nghĩa vụ chịu án phí cụ thể của ông D, Bà H như sau:

5.1.1. Buộc ông Nguyễn Chính D phải chịu 56.591.398 đồng án phí dân sự sơ thẩm; không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Được đối trừ với 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0015189 ngày 30/6/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện HĐ, Hà Nội. Còn phải nộp tiếp 56.291.398 (*Năm mươi sáu triệu, hai trăm chín mươi một nghìn, ba trăm chín mươi tám*) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5.1.2. Buộc bà Nguyễn Thị H phải chịu 56.591.398 (*Năm mươi sáu triệu, năm trăm chín mươi một nghìn, ba trăm chín mươi tám*) đồng án phí dân sự sơ thẩm

5.2. Ngân hàng Thương mại cổ phần KT Việt Nam không phải chịu án phí dân sự. Được hoàn trả lại 56.000.000 (*Năm mươi sáu triệu*) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0000033 ngày 15/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện HĐ, Thành phố Hà Nội.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật ngay kể từ ngày Tòa tuyên án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP.Hà Nội;
- TAND huyện HD;
- CCTHADS huyện HD;
- Lưu HS/VP.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đ.M.H